

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH ĐỂ ĐẨY NHANH NHỊP ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở THÁI LAN

GS. TRẦN ĐÌNH BÚT

L.T.S. G.S. Trần Đình Bút - Thành viên tổ Tư vấn của Thủ Tướng Chính phủ, về cải cách kinh tế và cải cách hành chính, vừa có dịp đi khảo sát về cải cách tài chính và tiền tệ ở Thái Lan và Canada. Bài viết dưới đây là một bộ phận của báo cáo khảo sát, có thể có những gợi ý bổ ích để nghiên cứu vấn đề cải cách tài chính ở nước ta, xin giới thiệu cùng bạn đọc.

I. SƠ LƯỢC VỀ NỀN KINH TẾ TÀI CHÍNH THÁI LAN

Thái Lan đã được các tổ chức quốc tế xếp vào loại nước có nền kinh tế phát triển trung bình, vì từ năm 1993, mức thu nhập quốc dân bình quân đầu người đã đạt 2.118 USD. Với diện tích 513.115 km² (gấp rưỡi VN) nhưng dân số ít hơn (61 triệu năm 1995), tỷ lệ tăng dân số khá thấp, chỉ có 0,9%, tương đương nhiều nước phát triển kinh tế ở châu Âu và Mỹ (chưa bằng 1/2 mức tăng dân số của VN 2,2%), mức thất nghiệp cũng rất thấp, chỉ có 3 - 2%, nên đã có nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá cao.

Tính bình quân 33 năm qua, từ 1960 đến 1993, nhịp độ tăng trưởng bình quân năm đạt 7,6%, mức lạm phát suốt thời gian đó cũng thấp, chỉ có 5,2%. Nền kinh tế có những thăng trầm nhẹ nhưng vẫn phát triển; giá trị đồng tiền nội tệ (baht) so với đô la Mỹ, ổn định ở mức bình quân 22,35 baht/1 USD. Trước những năm 80 đã có lúc phát triển quá nóng, kém ổn định. Sau đó có quá trình điều chỉnh, đến 1993 được coi là bắt đầu thời kỳ phát triển vững chắc.

Dự trữ ngoại tệ không ngừng tăng lên trong 8 năm qua, đến tháng 2.1995 đã đạt được 31 tỷ USD, tương đương giá trị nhập khẩu gần 7 tháng (theo thông lệ quốc tế dự trữ ngoại tệ tương đương giá trị 3 tháng nhập khẩu, được coi là lành mạnh rồi).

Cũng từ 7 năm qua, từ 1988, ngân sách liên tục kết dư, trong đó có 2 năm 1990 - 1991, mức kết dư cao nhất đạt 4,7% và 4,9% GDP. Đây là một hiện tượng hiếm có trong lịch sử quản lý ngân sách của các nước.

Trong các năm gần đây, nhịp độ tăng trưởng kinh tế ở mức độ khá cao, song lạm phát vẫn được duy trì ở mức độ thấp, như trong biểu dưới đây:

Năm	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1993	1994	1995
Nhịp độ tăng trưởng kinh tế	9.5	13.3	12.2	11.6	8.4	7.9	8.2	8.5	8.8
Nhịp độ lạm phát	2.5	3.8	5.4	5.9	5.7	4.2	3.5	5.0	4.7

Điều đó nói lên tính ổn định của nền tài chính quốc gia

Theo các nhà kinh tế Thái Lan, đó là kết quả tổng

hợp của 5 yếu tố sau đây:

1. Sự ổn định về kinh tế ở cấp vĩ mô: trong đó, nhà nước đóng vai trò đặc biệt quan trọng là không ngừng kích thích lực lượng sản xuất phát triển bằng các chính sách mở cửa, giảm thuế, tự do hóa tài chính tiền tệ, tăng lợi ích kinh tế cho người sản xuất kinh doanh.

2. Sự thay đổi về cơ cấu kinh tế: trong khi vẫn coi trọng ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu, tăng các mặt hàng có hàm lượng kỹ thuật cao.

Sự thay đổi cơ cấu kinh tế bắt đầu từ thay đổi cơ cấu đầu tư: chỉ khi nào tỷ trọng đầu tư của kinh tế tư nhân tăng nhanh, thì mới tạo ra tính năng động và hiệu quả cao của nền kinh tế.

3. Xuất khẩu tăng nhanh, nhờ chính sách thuế khuyến khích xuất khẩu; hầu hết các mặt hàng xuất khẩu đều được miễn thuế xuất khẩu. Cho nên tỷ lệ của thuế xuất khẩu trong tổng số thu của ngân sách nhà nước là con số không. Hơn nữa, đối với một số mặt hàng, nhà nước còn áp dụng chính sách trợ giá, để tăng khả năng cạnh tranh ở thị trường nước ngoài.

4. Mở rộng thị trường trong nước, nhà nước thực hiện nhất quán chính sách bảo đảm tăng thu nhập của nhân dân năm sau cao hơn năm trước, qua đó tăng sức tiêu thụ của người dân, và từ đó tác động ngược trở lại kích thích sản xuất phát triển.

5. Chất xúc tác quan trọng, có tầm quyết định đối với các yếu tố trên là cải cách tài chính tiền tệ, theo tinh thần tự do hóa tài chính tiền tệ, và cải cách hệ thống thuế.

II. VỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

1. Xác định rõ quan hệ giữa Bộ tài chính và Ngân hàng nhà nước

Vai trò quyết định trong việc cải cách tài chính - tiền tệ (bao gồm từ khâu đề xuất, khởi thảo, đệ trình Thủ tướng và Quốc hội, theo dõi thực hiện) thuộc về Bộ tài chính, (không đặt ngang hàng Bộ tài chính và Ngân hàng nhà nước) vì chính sách tiền tệ chỉ là công cụ để thực hiện chính sách tài chính tiền tệ thống nhất của đất nước, mà trước hết là phục vụ cho việc cân đối ngân sách nhà nước.

Nhận thức này chi phối các mặt tổ chức, xác định rõ Bộ trưởng bộ tài chính là người chịu trách nhiệm chính trước Thủ tướng về toàn bộ chính sách tài chính - tiền tệ.

Thống đốc ngân hàng, do Bộ trưởng Bộ tài chính đề nghị lên Thủ tướng xét bổ nhiệm hay bãi miễn, mặc dù ngân hàng có quyền độc lập tương đối trong hoạt động của mình.

2. Mục tiêu tổng quát của chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia là:

- Ổn định giá cả, qua đó để ổn định kinh tế và xã hội.

- Tạo lòng tin cho người dân khi nhà nước cần huy động vốn nhiều hơn trong nhân dân, vì đã có định nghĩa nguồn vốn = tiền (hoặc vàng) + lòng tin, theo kinh nghiệm "chọn mặt gửi vàng".

- Bảo đảm lợi ích của người gửi tiền, bằng một hệ thống bảo hiểm tín dụng, có sự bảo trợ và kiểm soát của nhà nước,

- Huy động tối đa nguồn vốn nhân rồi trong dân đưa vào lưu thông (ở Canada, dù chỉ 1 ngày cũng bảo hiểm) và nâng động tranh thủ nguồn vốn nước ngoài.

- Bảo đảm nguồn thu cho ngân sách, giám sát các khoản chi, tiến tới cân bằng ngân sách, tăng nguồn dự trữ quốc gia.

3. Tư tưởng chỉ đạo chung đối với chính sách tài chính quốc gia là không ngừng bồi dưỡng sức dân trên cơ sở khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh với nhịp độ nhanh và bền vững, từ đó tạo khả năng huy động nguồn vốn trong dân, không phân biệt thành phần kinh tế, không phân biệt nguồn gốc quốc tịch, sắc tộc, nhằm phát triển tối đa lực lượng sản xuất xã hội, tiến kịp trình độ tiên tiến của thế giới cả về lực lượng sản xuất và trình độ quản lý.

4. Quy luật chi phối đồng thời cũng là động lực tạo nên sức sống và linh hoạt của thị trường tài chính và thị trường tiền tệ là quy luật cạnh tranh: cạnh tranh để thu hút vốn trong nước và ngoài nước.

Chỉ cần có dấu hiệu bất bình đẳng trong cạnh tranh, thì nguồn vốn trong nước sẽ có trăm phương ngàn kế để chạy ra nước ngoài; còn nhà đầu tư nước ngoài sẽ nhanh chóng chuyển hướng, chọn môi trường đầu tư hấp dẫn hơn ở nước khác.

5. Biện pháp cơ bản của cải cách tài chính - tiền tệ là tự do hóa tài chính - tiền tệ, mà nội dung của chúng là phát triển các định chế tài chính, phát triển thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, nới rộng quyền hạn phi tập trung hóa, để khuyến khích cạnh tranh trên thị trường tài chính - tiền tệ, từng bước quốc tế hóa các thị trường đó.

III. VỀ CẢI CÁCH HỆ THỐNG THUẾ

Việc cải cách tài chính ở Thái Lan thể hiện chủ yếu ở chính sách thu thuế của nhà nước.

1. Tư tưởng cơ bản chi phối chính sách thuế là:

a. Cải cách thuế ở Thái Lan hướng chủ yếu vào giảm mức đóng góp (khoản sức dân)

Đối với các doanh nghiệp, việc giảm mức đóng góp đồng nghĩa với giảm chi phí sản xuất kinh doanh, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa Thái Lan trên thị trường nội địa và thị trường quốc tế.

Tất nhiên là với tư duy như vậy, ngân sách nhà nước tạm thời có giảm thu, nhưng nhìn lâu dài, (mà không lâu lắm, chỉ vài ba năm sau thôi, sẽ tăng thu lên khá nhanh), vì khuyến khích được sản xuất kinh doanh ra nhiều đối tượng, tổng sản phẩm quốc nội tăng lên, ngân sách có điều kiện tăng nguồn thu.

Đối với từng người dân, giảm mức đóng góp đồng nghĩa với tăng khả năng mua sắm, thị trường sôi động lên, từ đó kích thích sản xuất, tạo nguồn thu nhiều hơn, lâu bền hơn cho ngân sách nhà nước.

b. Đơn giản hóa hệ thống thuế, để mỗi người có nghĩa vụ nộp thuế dễ hiểu, tự làm từ khai, xác định mức thuế phải nộp.

Điều này cho phép giảm chi phí cho bộ máy thu thuế vừa ngăn chặn tiêu cực, thông đồng giữa người đi thu và người nộp, ngăn chặn tham ô, rò rỉ vào túi cá nhân người thu thuế.

2. Vậy tổng thu của ngân sách chiếm tỉ lệ trong GDP là bao nhiêu?

- Những năm mức thu nhập bình quân đầu người tính theo GDP còn thấp, khoảng 1000 USD/người, thì tỷ lệ động viên vào ngân sách chỉ độ 13 - 14% GDP.

- Ngày nay, khi thu nhập bình quân đã xấp xỉ và trên 2000 USD/người, trở thành một nước phát triển trung bình thì: năm 1994: 17,4% GDP (24,5 tỷ USD), năm 1995: 17,5% GDP (28 tỷ USD) (ở VN ta: 24% GDP khi mức GDP/người khoảng 250 USD)

Các nhà kinh tế Thái Lan ý thức rõ là không thể so sánh với các nước đã phát triển ở phương Tây, khi khu

nhập bình quân đầu người đã đạt đến dưới 20.000 USD, thì dù tỷ lệ thu vào ngân sách có cao đến 37% hay 40% đi nữa, thì phần còn lại để người dân chi phối cho nhu cầu cuộc sống cá nhân, và cho tích lũy để sản xuất nữa, cũng còn khá lớn về số lượng tuyệt đối.

Khi mức thu nhập bình quân còn quá thấp, nếu chỉ đủ để đảm bảo cuộc sống cơ bản và tối thiểu cũng đã khá chật vật rồi, thì người dân còn đâu để tiết kiệm, hoặc để tích tụ tái sản xuất. (không lạ gì nếu so sánh mức tiết kiệm bình quân đầu người ở Nhật Bản là 36.000 USD, bằng 100% GDP, ở Thái Lan 1.075 USD bằng 55% GDP, còn ở VN, chỉ tiết kiệm 5 USD, và chỉ có 6% dân số có tiền gửi tiết kiệm).

3. Đơn giản hóa các loại thuế

Ở Thái Lan chỉ còn 5 loại thuế:

a. Thuế thu nhập, trong đó:

- Thuế thu nhập cá nhân

- Thuế thu nhập của các tổ chức kinh tế

b. Thuế doanh thu, mà từ 1992 đã thay bằng VAT (chuẩn bị làm VAT từ 1986, đến 1992 mới áp dụng).

c. Thuế tiêu thụ đặc biệt

d. Thuế xuất nhập khẩu

e. Các loại thuế khoáng sản, tài nguyên đặc quyền khai thác.

4. Đặc điểm của hệ thống thuế của Thái Lan là:

a. Mức thuế tương đối thấp:

- Mức thuế thu nhập cá nhân, cao nhất là 37% (ở VN 60%)

- Mức thuế thu nhập của các đơn vị kinh doanh: mức cao nhất là 30%, không phân biệt doanh nghiệp trong nước hay nước ngoài (ở VN: trong nước từ 35 đến 45%, doanh nghiệp nước ngoài: 10 - 25%)

b. Để khuyến khích xuất khẩu, đã bỏ hầu hết thuế suất đối với hàng hóa xuất khẩu, nên tỷ lệ thuế xuất khẩu trong tổng thu ngân sách là 00

c. Về thuế tiêu thụ đặc biệt: không chỉ có thuốc lá, bia rượu, mà còn đánh vào các hàng hóa tiêu dùng cao cấp khác như: ô tô con, máy điều hoà không khí sinh hoạt, đồ điện cao cấp, đồ sứ, thủy tinh cao cấp, thảm len trải sàn v.v...

d. Quan điểm thu thuế rất rõ ràng là quan tâm đến nhu cầu cơ bản của người dân nghèo: kinh doanh các mặt hàng liên quan đến ăn, ở đi lại, y tế, chữa bệnh, thì được xét miễn, hoặc giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) đến mức rất thấp.

IV. THAY LỜI KẾT LUẬN

Những kinh nghiệm về cải cách tài chính, cải cách tiền tệ nêu trên đều góp phần tạo ra nhịp độ phát triển nhanh của đất nước Thái Lan, trong một khoảng thời gian khá ngắn, từ một nước kém phát triển, đã thành một nước phát triển trung bình. Những kinh nghiệm đó đều rất đáng được trân trọng để vận dụng đối với các nước đi sau.

Nhưng sẽ không toàn diện, nếu không đề cập đến kinh nghiệm có tầm quyết định, và là nguyên nhân của mọi tiến bộ kinh tế - xã hội của Thái Lan, đó là kinh nghiệm về phát huy yếu tố con người, với nhận thức con người là vốn quý nhất trong các loại vốn.

Sức sáng tạo của con người sẽ vô cùng tận một khi nó được vun đắp, bồi dưỡng và khuyến khích đúng hướng. Chi phí về giáo dục, đào tạo chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu chi của ngân sách nhà nước, là một khoản chi quan trọng trong chi phí từng doanh nghiệp, là khoản đầu tư ưu tiên trong từng gia đình.

Vì vậy, đến cơ quan nhà nước, đến doanh nghiệp công và tư, đầu đầu chúng tôi cũng gặp đội ngũ cán bộ khá trẻ, rất chuyên, thông thạo ngoại ngữ, lịch thiệp trong giao tiếp, và đầy tự tin trong công việc.

Với cái vốn quý đó, Thái Lan đang tích cực chuẩn bị và đồng thời rất tự tin sẽ trở thành một trung tâm tài chính tiền tệ mới của khu vực vào đầu thế kỷ tới ■